

Bản án số 42/2023/DS-ST

Ngày 09/02/2023

*V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu hủy GCNQSDĐ, yêu cầu
đòi bồi thường thiệt hại về tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Nguyễn Xuân Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhiễm, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2021/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 622/2023/QĐPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Vi Thị Y, sinh năm 1970; trú tại: thôn Pò M, xã Tú Đ, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Bê Quang H và luật sư Chu Thế V - Văn phòng luật sư Hưng V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; đều có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Hà Thị H, sinh năm 1972; trú tại: số 111 Chộc V1, thị trấn Lộc B, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Tài H1 - Văn phòng luật sư Nghĩa - H1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: số 1 Lý Thái Tổ, Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; *Người đại diện theo uỷ quyền:*

Bà Nông Thị N - Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: thị trấn Lộc B, Huyện Lộc B, Tỉnh Lạng Sơn; *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Bùi Xuân M - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân xã Hữu Kh2, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: thôn Bản Rì, xã Hữu Kh2, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn; *Người đại diện theo ủy quyền*: Bà Lương Thị Ng - Cán bộ địa chính; vắng mặt.

4. Chị Đặng Thị Tr, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn Pò M, xã Tú Đ, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Chị Đặng Thị Đ1, sinh năm 1996; địa chỉ: thị trấn Na D, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Bà Đặng Thị Gi, sinh năm 1998; địa chỉ: thôn Pò Kh1, xã Tú Đ, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Chị Đặng Thị Cúc M1, sinh năm 2000; địa chỉ: thôn Sì Ngh, xã Tú Đ, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Tr, chị Đ1, chị Gi, chị M1: Bà Vi Thị Y; trú tại: thôn Pò M, xã Tú Đ, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

8. Anh Đặng Văn H2, sinh năm 2003; địa chỉ: thôn Pò M, xã Tú Đ, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn; có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Anh Đặng Văn T (Đặng Thanh T), sinh năm 1993; địa chỉ: số 111 Chộc V1, thị trấn Lộc B, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Chị Đặng Trà N1, sinh năm 2000; địa chỉ: số 54 khu Bản Kh, thị trấn Lộc B, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị N1: Bà Hà Thị H, trú tại: số 111 Chộc V1, thị trấn Lộc B, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

11. Ông Vi Văn L, sinh năm 1961; vắng mặt.

12. Ông Vi Chu C, sinh năm 1952; vắng mặt.

13. Ông Vi Văn Th, sinh năm 1958; vắng mặt.

14. Ông Vi Văn Đ2; vắng mặt.

15. Ông Vi Văn T1; vắng mặt.

16. Ông Vi Văn Q; vắng mặt.

Cùng trú tại: thôn Nà M2, xã Hữu Kh2, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn.

17. Ông Triệu Slin P; trú tại: thị trấn Lộc B, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

18. Bà Nguyễn Thị V2; trú tại: số 29 Khu Hoà B, thị trấn Lộc B, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai, lời trình bày tại Tòa án, nguyên đơn bà Vi Thị Y trình bày:*

Bà Vi Thị Y là vợ của ông Đặng Văn Th1 (đã chết năm 2020) và là con dâu của ông Đặng Văn Th2 (đã chết năm 2014). Năm 1993, bố chồng bà là ông Đặng Văn Th2 được ông Phùng Sinh Ch, trú tại: thôn Pò M, xã Tú Đ, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn nhượng lại cho khu đất đồi rừng, vị trí từ khu mộ của ông Triệu Slin P đến đỉnh đồi Khau Lẹp, thuộc thôn Pò M, xã Tú Đ, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn (thuộc một phần thửa 803 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Hữu Kh2, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn). Khi được ông Phùng Sinh Ch nhượng lại đất hai bên không tiến hành đo đạc diện tích đất mà chỉ quản lý, sử dụng theo sổ bìa xanh và có viết Giấy chuyển nhượng viết tay ghi ngày 25/11/1993, có xác nhận của con trai ông Phùng Sinh Ch là Phùng Văn Ch1, con dâu là Hứa Thị D1 và người làm chứng là ông Lộc Văn H3. Ông Phùng Sinh Ch giao cho ông Đặng Văn Th2 sổ bìa xanh đứng tên ông Phùng Sinh Ch do UBND huyện Lộc B cấp vào sổ đăng ký số 01 ngày 25/11/1993 của Hạt Kiểm lâm huyện Lộc B, diện tích đất rừng được giao là 3,5ha; thuộc khoảnh I, lô 40, theo Sổ giao đất giao rừng năm 1993.

Năm 1994, ông Đặng Văn Th2 chia thửa đất trên cho các con là Đặng Văn Th1 (vợ là bà Vi Thị Y) và Đặng Văn T2 (vợ là bà Hà Thị H), mỗi người một phần để quản lý, sử dụng; phần ranh giới được xác định chia theo đường phân thủy điểm mốc giới từ đỉnh đồi Khau Lẹp xuống đến hết phần đất có khu mộ của gia đình ông Triệu Slin P. Phần diện tích đất của vợ chồng ông Đặng Văn T2 nằm phía bên trái giáp đồi Khau Lẹp; theo bà Vi Thị Y trình bày đất của bà được bố chồng chia cho là 18.471m², gia đình bà đã trồng thông, bạch đàn và quản lý, sử dụng từ năm 1994 đến nay, đã thu hoạch nhựa thông từ nhiều năm nay. Tuy nhiên gia đình bà chưa bao giờ đi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, đất vẫn đứng tên trong sổ bìa xanh mang tên hộ ông Phùng Sinh Ch. Ngoài ra, trên đất tranh chấp có 08 ngôi mộ của dòng họ Vi do gia đình ông Vi Văn L quản lý; 01 ngôi mộ cổ của gia đình ông Triệu Slin P và 01 ngôi mộ của bà Nguyễn Thị V2 mới chôn cất xây tường bao quanh năm 2019.

Đối phần diện tích đất của ông Đặng Văn T2 được chia, ngoài phần diện tích đất được chia, vợ chồng ông Đặng Văn T2 và bà Hà Thị H còn tự mua thêm một cái nhà ở khu đồi Lọ Háng, Hín Đin của ông Lâm Văn Ngh1, phần đất của ông Đặng Văn T2 mua thêm này không rõ diện tích bao nhiêu, có một phần diện tích đất giáp với đất của bà Vi Thị Y. Năm 2009, gia đình bà Vi Thị Y không biết có việc đo đạc lại đất rừng nên không đi kê khai. Bà Hà Thị H khi đi kê khai đã tự ý kê khai luôn cả phần đất của gia đình bà Vi Thị Y vào đất của vợ chồng bà Hà Thị H, nhưng gia đình không biết vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng vì không có tranh chấp.

Ngày 07/11/2019 bà Hà Thị H đã bán cho bà Nguyễn Thị V2, trú tại số nhà 29, khu Hòa Bình, thị trấn Lộc B một phần diện tích đất của gia đình bà đang tranh chấp là 210m² và nhận đặt cọc 20.000.000 đồng. Việc bà Nguyễn Thị H tự ý chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị V2 gia đình bà Vi Thị Y không biết do đất rừng ở xa khu dân cư. Khi được nghe bà Nguyễn Thị V2 nói gia đình bà Vi Thị Y mới biết; theo bà Nguyễn Thị V2 nói lại là có yêu cầu bà Hà Thị H phải lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho bà thì mới làm được thủ tục chuyển nhượng nên bà Hà Thị H mới đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, ngày 31/12/2019 bà Hà Thị H được UBND huyện Lộc B cấp GCNQSDĐ số CR 102796, diện tích 63.610m², thuộc thửa 803, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Hữu Kh2; địa chỉ: thôn Bản Hoi, xã Hữu Kh2, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn trong đó có cả một phần diện tích đất của gia đình bà Vi Thị Y. Do đó, bà Vi Thị Y đã làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương xem xét giải quyết.

Trong lúc chờ các cơ quan giải quyết, ngày 10/8/2020, bà Hà Thị H huy động người và xe ô tô vào khu vực đất tranh chấp khai thác toàn bộ cây thông do bà Vi Thị Y trồng, bà Vi Thị Y đã báo UBND xã Hữu Kh2 và UBND xã Hữu Kh2 tiến hành lập biên bản tạm giữ 03 xe gỗ. Tại Biên bản giải quyết ngày 21/10/2020 của UBND xã Hữu Kh2 các đương sự đã thỏa thuận đồng ý bán 03 xe gỗ trên, sau khi trừ chi phí bốc vác, vận chuyển, số tiền còn lại là 9.950.000 đồng, hiện do UBND xã Hữu Kh2 đang tạm giữ chờ kết quả giải quyết của Tòa án.

Vì vậy, bà Vi Thị Y khởi kiện buộc bà Hà Thị H trả lại diện tích đất tranh chấp là 18.471m², thuộc một phần thửa 803, tờ bản đồ số 03, được UBND huyện Lộc B cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Hà Thị H ngày 31/12/2019, số ký hiệu CR102796; số vào sổ cấp GCN CH-01600; hủy một phần GCNQSDĐ đối với diện tích đất tranh chấp 18.471m²; yêu cầu bà Hà Thị H phải bồi thường số tiền 150.000.000 đồng, do đã chặt toàn bộ số cây thông trên đất; yêu cầu tháo dỡ, di dời phần cọc bê tông chôn trên đất tranh chấp đi nơi khác; yêu cầu được sở hữu số tiền bán 03 xe gỗ là 9.950.000 đồng. Đối với phần diện tích đất tranh chấp, trên đất có ngôi mộ của gia đình ông Triệu Slin P và mộ dòng họ Vi và phần tài sản công trình xây dựng, ngôi mộ của bà Nguyễn Thị V2 bà Vi Thị Y đề nghị giữ nguyên như hiện tại.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ngày 25/4/2021, bà Vi Thị Y có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất tranh chấp có khu mộ của ông Triệu Slin P, do ông Triệu Slin P đang ở nước ngoài nên chưa yêu cầu Tòa án giải quyết; rút yêu cầu buộc bà Hà Thị H phải bồi thường số tiền 150.000.000 đồng do khai thác cây thông trên đất tranh chấp; rút yêu cầu giải quyết đối với tài sản, công trình xây dựng trên đất và ngôi mộ của gia đình bà Nguyễn Thị V2, bà Vi Thị Y sẽ tự thỏa thuận giải quyết với bà Nguyễn Thị V2 sau, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn ông Đặng Văn Th1 (đã chết), những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Đặng Văn Th1: Bà Vi Thị Y, chị Đặng Thị Tr, chị Đặng Thị Đ1, chị Đặng Thị Gi, chị Đặng Thị Cúc M1 đều nhất trí với ý kiến và yêu cầu của bà Vi Thị Y và đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà Vi Thị Y.*

** Bị đơn bà Hà Thị H trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp không phải của bố chồng bà là ông Đặng Văn Th2 chia cho để lại. Đất tranh chấp là của vợ chồng bà mua của ông Phùng Văn B (con trai ông Phùng Sinh Ch) và vợ là Nông Thị L1 chuyển nhượng lại với số tiền 400.000 đồng, khi chuyển nhượng không đo đạc diện tích, chỉ xác định ranh giới, đất tranh chấp là của vợ chồng ông Phùng Văn B khai phá quản lý, sử dụng từ năm 1988. Ngoài diện tích đất mua của ông Phùng Sinh Ch vợ chồng bà còn mua đất của một số chủ đất khác, khi đó trên đất đã có sẵn khá nhiều cây thông và bạch đàn.*

Ngày 12/11/2019 bà Hà Thị H đi đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất tại UBND xã Hữu Kh2. Ngày 31/12/2019 bà được UBND huyện Lộc B cấp GCNQSDĐ số CR 102796, diện tích 63.610m², thuộc thửa 803, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Hữu Kh2. Đối với đất sau khi nhận chuyển nhượng năm 1995-1996, bà trồng rải rác khoảng 6000 cây thông và đã được khai thác thông 03 lần. Do đó, bà Hà Thị H yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Vi Thị Y, đối với phần diện tích đất mộ của các hộ gia đình bà đồng ý giữ nguyên như hiện tại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn: Anh Đặng Văn T, chị Đặng Trà N1 nhất trí với ý kiến của bà Hà Thị H và đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà Hà Thị H.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến khu mộ dòng họ Vi gồm: ông Vi Văn Loòng, ông Vi Chu C, ông Vi Văn T1 trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Mộ của dòng họ Vi đã có từ rất nhiều năm trước. Hàng năm, dòng họ vẫn đi thanh minh và phát cỏ xung quanh các ngôi mộ; theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án thể hiện trên mảnh trích đo khu đất tranh chấp trong đó có chứa phần diện tích đất khu mộ của dòng họ Vi, ông Vi Văn Loòng, ông Vi Chu C, ông Vi Văn T1 đều thống nhất và đồng ý với kết quả đo đạc thể hiện trên mảnh trích đo địa chính. Đề nghị Tòa án giải quyết chứa phần mộ của dòng họ Vi để dòng họ tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất khu mộ.*

** Đại diện UBND huyện Lộc B trình bày: Việc cấp GCNQSDĐ số seri CR 102796, số vào sổ GCN CH01600 cho hộ bà Hà Thị H tại thửa đất số 803, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Hữu Kh2, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn là đúng trình tự, thủ tục theo quy định, đã tổ chức niêm yết công khai danh sách cấp GCNQSDĐ và tổ chức lấy phiếu ý kiến khu dân cư theo đúng quy định. Các hồ sơ liên quan đến việc giao đất, giao rừng hiện nay UBND huyện Lộc B*

không lưu giữ, tuy đã thực hiện hết các biện pháp để thu thập nhưng vẫn không thu thập được. Việc đo đạc để cấp GCNQSDĐ trước đây cũng không được chính xác, do có sự chồng lấn với diện tích đất của các hộ gia đình khác. Do không có hồ sơ, sổ sách liên quan đến đất tranh chấp thuộc khoảnh I, lô 40 nên chưa thể xác định được thửa đất 803, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Hữu Kh2 có cùng địa danh đất tranh chấp đồi Khau Lẹp hay không. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho hộ bà Hà Thị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Đại diện UBND xã Hữu Kh2, huyện Lộc B trình bày:* Sau khi nhận được kiến nghị của bà Vi Thị Y về việc bà Hà Thị H tự ý khai thác gỗ thông trên đất tranh chấp và đơn của bà Hà Thị H kiến nghị về việc bà Vi Thị Y cản trở không cho vận chuyển gỗ. Ngày 23/9/2020, UBND xã Hữu Kh2 đã cử Tổ công tác đi xác minh thấy bà Hà Thị H đang cho vận chuyển 03 xe gỗ thông, Tổ công tác tiến hành lập biên bản tạm giữ không cho vận chuyển. Ngày 29/9/2020, UBND xã Hữu Kh2 đã mời hai bên đương sự đến trụ sở làm việc và hai bên đồng ý thỏa thuận cho bán số gỗ trên. Ngày 21/10/2020, UBND xã Hữu Kh2 phối hợp với Chi cục Kiểm lâm huyện Lộc B đến hiện trường chứng kiến việc vận chuyển 03 xe gỗ đi bán, sau khi trừ chi phí bốc vác, vận chuyển số tiền bán gỗ còn lại là 9.950.000 đồng hiện UBND xã Hữu Kh2, huyện Lộc B đang tạm giữ số tiền chờ kết quả giải quyết của Tòa án.

** Tại Văn bản số 412/UBND-TNMT ngày 15/3/2021 của UBND huyện Lộc B cung cấp thông tin liên quan đến thửa đất tranh chấp:*

- Không có hồ sơ, sổ sách địa chính liên quan đến việc giao quyền quản lý rừng, đất rừng cho hộ ông Phùng Sinh Ch đối với đất rừng khoảnh I, lô 40, diện tích 3,5ha.

- Không có hồ sơ địa chính chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn Th2 với ông Phùng Sinh Ch thuộc khoảnh I, lô 40, diện tích 3,5ha, đồi Khau Nẹp, thôn Bản Mới, xã Túa Đ, huyện Lộc B.

- Không có hồ sơ tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc phân chia đất của ông Đặng Văn Th2 cho các con.

- Hồ sơ và các loại giấy tờ liên quan đến thửa đất được UBND huyện Lộc B cấp GCNQSDĐ cho bà Hà Thị H ngày 31/12/2019.

- Do không có hồ sơ, sổ sách liên quan đến đất tranh chấp thuộc khoảnh I, lô 40 nên chưa thể xác định được thửa đất 803, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Hữu Kh2 có cùng địa danh đất tranh chấp là đồi Khau Lẹp.

Quan điểm của UBND huyện Lộc B cấp GCNQSDĐ đối với thửa 803, diện tích 63.610m² cho bà Hà Thị H ngày 31/12/2019 là đúng trình tự, thủ tục, đúng đối tượng.

** Tại Văn bản số 264/KL-QLBVR&BTTN ngày 01/6/20121 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn, cung cấp thông tin thửa đất cho Tòa án:*

- Đối với hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc giao quyền quản lý rừng và đất rừng của Hộ ông Phùng Sinh Ch thuộc khoảnh I, lô 40, diện tích 3,5ha hiện Chi cục Kiểm lâm huyện Lộc B không lưu trữ hồ sơ, tài liệu nào liên quan.

- Về bản đồ giao đất rừng theo sổ bìa xanh của hộ ông Phùng Sinh Ch năm 1994 và bản đồ giao đất vườn rừng cho hộ ông Phùng Văn B năm 1988. Tài liệu, hồ sơ còn lưu giữ tại Hạt kiểm lâm huyện Lộc B có lưu giữ một Sổ lâm bạ xã Tú Đ, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn năm 1988 và 01 bản đồ giao đất rừng xã Tú Đ, huyện Lộc B. Tuy nhiên Sổ lâm bạ này không có tên ông Phùng Văn B hoặc Phùng Sinh Ch.

* *Tại Văn bản số 1222/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 02/7/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cung cấp:* Về hồ sơ cấp GCNQSDĐ và cấp đổi lại GCNQSDĐ đối với thửa đất 806, 807, 808, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thôn Bản Hoi, xã Hữu Kh2, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 31/12/2019 UBND huyện lộc B cấp GCNQSDĐ số CR 102796, vào sổ cấp giấy chứng nhận CH-01600, diện tích 63.610m², thuộc thửa 803, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Hữu Kh2, mục đích sử dụng đất rừng sản xuất. Ngày 17/9/2020 bà Hà Thị H có đơn đề nghị tách thửa đất 803, tờ bản đồ số 03, diện tích 63.610m² thành 03 thửa là: Thửa 806, diện tích 22.932m²; thửa 807, diện tích 6.036m²; thửa 808, diện tích 34.642m²; đồng thời làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Triệu Hồng Na thửa đất 807, diện tích 6.036m². Ngày 01/12/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp GCNQSDĐ số CX 601142 vào sổ cấp GCN CS 01615 cho bà Triệu Thị Na thửa 807, diện tích 6.036m² và cấp GCNQSDĐ số CX 601143, số vào sổ cấp GCN CS 01616 cho hộ bà Hà Thị H thửa đất 806, diện tích 22.932m²; GCNQSDĐ số CX 601144, số vào sổ cấp GCN 01617 cho hộ bà Hà Thị H thửa 808, diện tích 34.642m². Đối với thửa 803 sau khi cấp đổi thành 03 thửa không còn giá trị về mặt pháp lý.

* *Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn, trình bày:* Khi làm thủ tục tách từ thửa 803, tờ bản đồ số 03; Sở căn cứ vào hồ sơ xin tách thửa của của bà Hà Thị H để làm thủ tục tách, không biết thửa đất 803 đang có tranh chấp nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* *Những người làm chứng khai:*

- *Bà Nông Thị L1 và ông Lâm Văn Ch2 khai:* Ông Phùng Sinh Ch là bố của ông Phùng Văn B đã hỏi ý kiến của vợ chồng ông Phùng Văn B về việc chuyển nhượng cho ông Đặng Văn T2 diện tích đất đồi rừng tại đồi Khau Lép, thuộc thôn Bản Hoi, xã Hữu Kh2, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn với giá 400.000 đồng (theo Giấy chuyển nhượng đất rừng lập ngày 20/5/1994), gia đình ông Đặng Văn T2 sau khi nhận chuyển nhượng đã đến UBND xã Hữu Kh2 cùng cán bộ địa chính xã Hữu Kh2 đi đo đạc để xác định ranh giới.

- *Bà Hứa Thị D1 vợ ông Phùng Văn Ch1 (con trai ông Phùng Sinh Ch) khai:* Nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của bố chồng bà là ông Phùng Sinh Ch.

Năm 1993 bố chồng bà đã nhượng lại cho ông Đặng Văn Th2, có viết giấy chuyển nhượng, người chứng kiến có ông Lộc Văn H3 (chết năm 2010), sau khi nhượng lại bố chồng bà có nói cho vợ chồng bà biết, việc nhượng đất giữa bố chồng bà và ông Đặng Văn Th2 thực chất là cho đất. Thời điểm đó ông Đặng Văn T2 (con trai ông Đặng Văn Th2), tự mua được một lô đất ở cạnh đất tranh chấp hiện nay, ông Đặng Văn Th2 thấy Đặng Văn Th1 chưa có đất nên mới đi xin đất này về để chia cho các con Đặng Văn Th1 và Đặng Văn T2. Từ năm 1994 đến nay, vợ chồng ông Đặng Văn Th1 và bà Vi Thị Y vẫn canh tác, quản lý sử dụng và không có tranh chấp.

- Ông Hoàng Văn Ph, ông Lộc Văn L2, ông Lộc Văn C, bà Hoàng Thị Đ1, bà Vi Thị N2, ông Lộc Văn P1, bà Hoàng Thị C1, ông Hoàng Văn B, bà Nông Thị D1, bà Hứa Thị D1 đều khai: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Phùng Sinh Ch nhượng cho ông Đặng Văn Th2 quản lý, sử dụng và đất tranh chấp là của bà Vi Thị Y được ông Đặng Văn Th2 chia cho quản lý, sử dụng không có tranh chấp.

- Các con của ông Đặng Văn Th2 là bà Đặng Thị X, bà Đặng Thị S (con gái ông Th2), bà Mã Thị N3, bà Vũ Thị S1 (con dâu ông Th2) đều khai: Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Đặng Văn Th2 nhận chuyển nhượng từ ông Phùng Sinh Ch năm 1993, đến năm 1994 ông Đặng Văn Th2 chia đôi diện tích đất cho 02 con trai là Đặng Văn T2 và Đặng Văn Th1 mỗi người một nửa. Phần đất của vợ chồng bà Vi Thị Y ở phía bên phải; phần đất của vợ chồng bà Hà Thị H ở phía bên trái; phần ranh giới được xác định theo đường phân thủ là khe nước. Bà Hà Thị H từ trước đến nay chưa quản lý đất tranh chấp. Đến năm 2019 bà Hà Thị H cho người vào khai thác chặt cây của bà Vi Thị Y thì mới xảy ra tranh chấp. Các con của ông Th2 đều không ý kiến gì về việc ông Th2 chia đất cho ông T2 và ông Th1. Đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vi Thị Y.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện: Tổng diện tích đất tranh chấp là 17.151m², bao gồm: Thửa 806, tờ bản đồ số 03, diện tích 14.017m² (được tách từ thửa 803), trên đất tranh chấp có 03 khu mộ (khu mộ 01 gồm 07 ngôi mộ, diện tích tranh chấp 1.040m², vị trí đỉnh thửa A4, A5, M5, M6, M7, phần diện tích ngoài khu mộ không tranh chấp 231m² vị trí đỉnh thửa M1, M2, A5, A4; khu mộ 02 gồm 01 ngôi mộ cổ của ông Vi Văn Loòng, diện tích diện tích 406m², vị trí đỉnh thửa A5, A6, M4, M5, phần diện tích ngoài khu mộ không tranh chấp 220m², vị trí đỉnh thửa M2, M3, A6, A5; khu mộ 03 của bà Nguyễn Thị V2, diện tích 140m², vị trí đỉnh thửa H1, H2, H3, H4; phần đất tranh chấp do bà Hà Thị H đóng cọc bê tông diện tích 358m², vị trí đỉnh thửa N1, N2, N3, N4. Thửa đất có tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp thửa 655, tờ bản đồ số 03 quy chủ ông Đặng Văn T2; phía Nam giáp thửa 660, quy chủ ông Lý Văn Chung và một thửa 655, quy chủ ông Đặng Văn T2; phía Đông giáp thửa 807 (được tách từ thửa 803); phía Tây giáp thửa 630 quy chủ ông Đặng Văn Cẩm; có đỉnh thửa A1, A2, A3, A4, A5, A6, A21, A20, A13, A14, A15, A16, A17; Thửa 807, diện tích 2.872m² (đất khu mộ của ông Triệu Slin P),

có tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp thửa 639 quy chủ ông Phạm Văn B; phía Nam giáp thửa 808 (được tách từ thửa 803); phía Đông giáp phần diện tích còn lại của thửa 807; phía Tây giáp thửa 806 (được tách từ thửa 803), có đỉnh thửa A7, A8, A9, A10, A19, A23, A11, A12, A22, A18 và 262m² đất đường đi có đỉnh thửa A21, A7, A18, A22, A12, A20.

Kết quả định giá xác định: Diện tích đất tranh chấp là đất rừng sản xuất thuộc khu vực II, giá thị trường là 100.000 đồng/m² (17.151m² x 100.000đồng = 1.715.100.000 đồng).

Về tài sản trên đất: Cây thông 25 cây (đường kính 05-10cm) x 24.000/cây = 600.000 đồng; 67 cây (đường kính 10-20cm) x 70.000 đồng = 4.690.000 đồng; 10 cây (đường kính từ 20-30cm) x 117.000 đồng = 1.170.000 đồng. Cây bạch đàn 70 cây (đường kính dưới 05cm) x 8.000 đồng = 560.000 đồng; 15 cây (đường kính 05-10cm) x 24.000 đồng = 360.000 đồng; 47 cây (đường kính từ 10-20cm) x 66.000 đồng = 3.102.000 đồng; 20 cây (đường kính trên 30cm) x 117.000 đồng 2.340.000 đồng. Tổng giá trị cây là 12.822.000 đồng.

Ngoài ra trong thời gian xảy ra tranh chấp bà Hà Thị H đã khai thác vận chuyển 03 xe gỗ thông; ngày 22/9/2020 UBND xã Hữu Kh2, huyện Lộc B đã lập biên bản tạm giữ, ngày 25/9/2020 giữa bà Vi Thị Y và bà Hà Thị H thống nhất thỏa thuận bán số gỗ được tổng số tiền 13.380.000 đồng, sau khi trừ tiền công bốc vác và tiền vận chuyển số tiền còn lại là 9.950.000 đồng, hiện tại UBND xã Hữu Kh2, huyện Lộc B đang tạm giữ, khi Tòa án giải quyết đất và cây của ai sẽ trả lại cho người đó.

Ngày 18/5/2021, bà Vi Thị Y có đơn đề nghị giám định do tại buổi hòa giải ngày 18/5/2021, bà Hà Thị H có nộp cho Tòa án sổ vườn rừng đứng tên ông Phùng Văn B thuộc khoảnh I, lô 33, diện tích 1,8ha do Hạt Kiểm lâm huyện Lộc B giao ngày 20/11/1988. Bà Hà Thị H khai diện tích này bà đã mua với ông Phùng Văn B và nằm trong diện tích đất tranh chấp với bà Vi Thị Y.

Ngày 20/5/2021, Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định số 06 đề nghị giám định phần diện tích đất tranh chấp 14.017m² thuộc thửa tạm 806.1 và diện tích 2.872m², thửa tạm 807.1, tờ bản đồ 03, bản đồ địa chính xã Hữu Kh2, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn thuộc lô, khoảnh, tờ bản đồ nào, theo sổ giao quyền quản lý rừng và đất rừng do các đương sự cung cấp.

Ngày 07/6/2021, Giám định viên Đàm Văn Tuệ có văn bản về việc giám định tư pháp với nội dung: Tài liệu phục vụ cho việc giám định không có loại bản đồ giao đất giao rừng tại thời điểm giao quyền quản lý rừng và đất trồng rừng cho các đương sự nên không có cơ sở thực hiện được nội dung trưng cầu giám định theo yêu cầu giám định. Do đó, không thực hiện được trưng cầu giám định theo nội dung trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng kết quả hòa giải

đều không thành.

Tại Bản án sơ dân sự thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 12/7/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Căn cứ các Điều 5, 34, 38, 48, 147; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 163, 164, 165, 166, 208, 212, 213, 357, 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 166, 167, 168, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vi Thị Y được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 12.789m², thuộc một phần thửa 806.1, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Hữu Kh2, được thể hiện trên mảnh trích đo sơ họa thửa đất do Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô, chi nhánh Lạng Sơn đo đạc ngày 15/4/2021, có vị trí đỉnh thửa là A1, A2, A3, A4, M7, M6, M5, A5, M4, A6, A21, A7, A18, A22, A12, A20, A13, A14, A15, A16, A17; địa danh: Đồi Khau Lẹp, thôn Bản Hoi, xã Hữu Kh2, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn và quyền sở hữu toàn bộ tài sản cây trồng trên đất tranh chấp, gồm: 25 cây thông (đường kính 05-10cm); 10 cây thông (đường kính từ 20-30cm); 70 cây bạch đàn (đường kính gốc dưới 05cm); 15 cây bạch đàn (đường kính 05-10cm); 47 cây bạch đàn (đường kính từ 10-20cm); 20 cây bạch đàn (đường kính gốc trên 30cm). Bà Vi Thị Y có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Buộc bà Hà Thị H phải tự tháo dỡ, di dời các cọc bê tông trên diện tích 358m², vị trí đỉnh thửa N1, N2, N3, N4, thuộc một phần thửa 806.1 đi nơi khác để trả lại diện tích đất tranh chấp cho bà Vi Thị Y quản lý, sử dụng.

3. Phần diện tích đất còn lại là đất khu mộ của dòng “họ Vi” thuộc thửa 806.1, bao gồm: Khu mộ 01 gồm 07 ngôi mộ, diện tích tranh chấp 1.040m², vị trí đỉnh thửa A4, A5, M5, M6, M7, phần diện tích ngoài khu mộ 231m² vị trí đỉnh thửa M1, M2, A5, A4; khu mộ 02 gồm 01 ngôi mộ cổ của ông Vi Văn Loòng, diện tích diện tích 406m², vị trí đỉnh thửa A5, A6, M4, M5, phần diện tích ngoài khu mộ 220m², vị trí đỉnh thửa M2, M3, A6, A5; khu mộ 3 của bà Nguyễn Thị V2, diện tích 140m², vị trí đỉnh thửa H1, H2, H3, H4.

4. Tuyên hủy một phần diện tích đất 14.071m² (vị trí đỉnh thửa A1, A2, A3, A4, A5, A6, A21, A20, A13, A14, A15, A16, A17), ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 601143, số vào sổ cấp GCN CS 01616 do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp cho hộ bà Hà Thị H ngày 01/12/2020 thuộc thửa đất 806, tờ bản đồ số 03, diện tích 22.932m².

Có mảnh trích đo khu đất tranh chấp giữa nguyên đơn bà Vi Thị Y với bị đơn bà Hà Thị H hệ tọa độ VN 2000, tờ số 03 kèm theo Bản án, số TĐ: 55/2021

5. Bác yêu cầu của bà Hà Thị H đòi quyền quản lý sử dụng 14.071m² đất tranh chấp và quyền sở hữu các tài sản trên đất tranh chấp, gồm: 25 cây thông (đường kính 05-10cm); 10 cây thông (đường kính từ 20-30cm); 70 cây bạch đàn (đường kính gốc dưới 05cm); 15 cây bạch đàn (đường kính 05-10cm); 47 cây bạch đàn (đường kính từ 10-20cm); 20 cây bạch đàn (đường kính gốc trên 30cm).

Buộc bà Hà Thị H phải chấm dứt việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 14.071m² ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 601143, số vào sổ cấp GCN CS 01616 cho hộ bà Hà Thị H thuộc thửa đất 806, tờ bản đồ số 03 và quyền sở hữu tài sản trên đất tranh chấp, gồm: 25 cây thông (đường kính 05-10cm); 10 cây thông (đường kính từ 20-30cm); 70 cây bạch đàn (đường kính gốc dưới 05cm); 15 cây bạch đàn (đường kính 05-10cm); 47 cây bạch đàn (đường kính từ 10-20cm); 20 cây bạch đàn (đường kính gốc trên 30cm) của bà Vi Thị Y.

6. Bà Vi Thị Y được quyền sở hữu số tiền 9.950.000 đồng (chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), tiền bán 03 xe gỗ do UBND xã Hữu Kh2, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn đang tạm giữ.

7. Đình chỉ yêu cầu đòi bồi thường của bà Vi Thị Y buộc bà Hà Thị H phải bồi thường thiệt hại số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), do bà Vi Thị Y rút yêu cầu khởi kiện.

8. Đình chỉ việc giải quyết đối với phần diện tích đất 3.134m², thuộc một phần thửa 807 (ký hiệu trên mảnh trích đo địa chính là 807.1 và 807.4 có các đỉnh thửa A21, A7, A8, A9, A10, A19, A23, A11, A12, A20), do có liên quan đến khu đất mộ của gia đình ông Triệu Slin P, do bà Vi Thị Y rút yêu cầu khởi kiện.

9. Đình chỉ yêu cầu giải quyết đối với tài sản, công trình xây dựng và ngôi mộ trên diện tích đất 140m², ký hiệu đỉnh thửa H1, H2, H3, H4 thuộc thửa 806.1 của bà Nguyễn Thị V2 do bà Vi Thị Y rút yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/7/20221, bị đơn bà Hà Thị H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận quyền quản lý, sử dụng hợp pháp toàn bộ thửa đất số 806, tờ bản đồ 03 đất Lâm nghiệp xã Hữu Kh2, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn diện tích 22.932m² và 9.950.000 đồng tiền 03 xe gỗ thông đang bị UBND xã Hữu Kh2 tạm giữ thuộc về gia đình bà; yêu cầu bà Vi Thị Y cung cấp giấy chuyển nhượng rừng viết tay ngày 25/11/1993 (bản gốc) để giám định xem có đúng là chữ của ông Phùng Sinh Ch hay không.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Vi Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời khai như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có quan điểm: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Th2 (bố chồng bà Y, bà H). Căn cứ vào lời

khai của các con ông Th2 và người dân xã Tú Đ thì bà Y nhận quản lý đất từ năm 1994 đến nay, đến khi bà H khai thác gỗ trên đất thì bà Y mới biết để khởi kiện. Bà H khai mua đất của ông Phùng Văn B, nhưng đất đó là khoảnh 1 lô 33, là không trùng với đất tranh chấp. Thời điểm đó bà H 21 tuổi thì liệu có điều kiện để mua diện tích đất đó không. Bà H lần 1 kê khai nguồn gốc đất của ông cha để lại phù hợp với lời khai của bà Y về nguồn gốc, lần 2 kê khai khi đó đã có tranh chấp, UBND xã Hữu Kh2 không có ý kiến gì về tranh chấp nên UBND huyện Lộc B cấp GCNQSDĐ cho bà H, cả hai lần cấp GCNQSDĐ cho bà H đều sai. Tòa án cấp sơ thẩm hủy GCNQSDĐ của bà H và giao bà Y quản lý sử dụng đất là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Hà Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bà H, sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Y.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có quan điểm: Bản án sơ thẩm đánh giá, nhận định thiếu khách quan từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Toàn bộ diện tích 63.610m² đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 803 (được trích đo từ thửa 684 và 665), tờ bản đồ số 03, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp, xã Hữu Kh2, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn là đất của bà H và đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ cho bà H. Trong tổng diện tích đất này, phần lớn đất là (quả đồi Khau Lẹ) ông Đặng Văn T2 (chồng bà H) đã mua với ông Phùng Sinh Ch ngày 20/05/1994 (có giấy tờ chuyển nhượng giữa 02 bên, chữ ký và chữ viết của ông Phùng Sinh Ch trong giấy nhượng đất này), thời điểm mua và bán này chưa có quy định nào của pháp luật ràng buộc các bên giao dịch phải thực hiện theo một khuôn mẫu nhất định, vì năm 1995 Việt Nam mới có Bộ luật Dân sự đầu tiên để điều chỉnh các quan hệ cũng như xác lập giao dịch dân sự theo hình thức và nội dung nhất định. Chứng cứ do bà Y giao nộp cho Tòa án và lời khai của những người làm chứng có nhiều mâu thuẫn và không có giá trị chứng minh. Bà H kê khai ghi nguồn gốc đất do ông cha để lại là để tránh tiền thuế. Giấy chuyển nhượng do ông Chính ký, các con ông Chính và các đương sự không ai phản đối nên đó là chữ ký của ông Chính. Ông T2, bà H mua đất của ông Chính từ dưới mộ ông Triệu Slin P lên đỉnh đồi và đưa bố mẹ là ông Th2 lên ở cùng để trông nom. Ông Th2 sang trông coi nhà cửa trang trại cho vợ chồng bà H và tự nhận đất. Tất cả những người bảo vệ cho bà Y đều khai đất của ông Chính, phù hợp với lời khai của bà H gian dối nhà nước khai nguồn gốc đất ông cha để mục đích trốn thuế. Toàn bộ 63.610m² đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 803 (được trích đo từ thửa 684 và 665), tờ bản đồ số 03, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp, xã Hữu Kh2, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn (nay là các thửa số 806, 807 và 808) đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Hà Thị H thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của gia đình bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H, sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và công nhận

quyền quản lý, sử dụng hợp pháp toàn bộ thửa đất số 806.1, tờ bản đồ 03 đất lâm nghiệp xã Hữu Kh2, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn diện tích 12.789m² và 9.950.000 đồng tiền 03 xe gỗ thông đang bị UBND xã Hữu Kh2 tạm giữ cũng như toàn bộ tài sản trên đất thuộc về gia đình bà Hà Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện các chứng cứ, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vi Thị Y là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị đơn bà Hà Thị H kháng cáo nhưng không chứng minh được quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp, do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham dự phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Vi Thị Y khởi kiện bà Hà Thị H tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 14.017m², thuộc thửa 806, tờ bản đồ số 03 (được tách từ thửa 803) và diện tích 2.872m² thuộc một phần thửa 807 (được tách ra từ thửa 803), tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Hữu Kh2 và yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ số CX 601143, số vào sổ cấp GCN CS 01616 do sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho bà Hà Thị H ngày 01/12/2020; yêu cầu bà Hà Thị H phải bồi thường số tiền 150.000.000 đồng do đã chặt số cây thông trên đất; yêu cầu được sở hữu số tiền bán 03 xe gỗ là 9.950.000 đồng hiện UBND xã Hữu Kh2 đang tạm giữ. Do liên quan đến yêu cầu hủy quyết định cá biệt nên Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị H trong hạn luật định, được chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận kết quả xem xét thẩm định tại chỗ theo đúng biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và trích đo khu đất do Công ty Sông Tô, chi nhánh Lạng Sơn thực hiện ngày 15/4/2021 và xác định diện tích đất tranh chấp là 14.017m² thuộc thửa tạm 806.1 và diện tích 2.872m², thửa tạm 807.1; tờ bản đồ 03, bản đồ địa chính xã Hữu Kh2, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: đồi Khau Lẹp, thôn Bản Hoi, xã Hữu Kh2, huyện Lộc

B, tỉnh Lạng Sơn; có tứ cận tiếp giáp và độ dài các cạnh được thể hiện trên mảnh trích đo sơ họa khu đất tranh chấp.

- Về nguồn gốc đất tranh chấp: Nguyên đơn bà Vi Thị Y trình bày quan hệ giữa bà Vi Thị Y với bà Hà Thị H đều là con dâu của ông Đặng Văn Th2, bà Vi Thị Y lấy ông Đặng Văn Th1; bà Hà Thị H lấy ông Đặng Văn T2 đều là con trai của ông Đặng Văn Th2. Diện tích đất tranh chấp là do ông Đặng Văn Th2 được ông Phùng Sinh Ch nhượng lại để canh tác, quản lý sử dụng, khi nhận chưa làm thủ tục đăng ký sang tên đổi chủ nên trong hồ sơ giao quyền quản lý rừng và đất trồng rừng (gọi là sổ bì xanh) vẫn đứng tên ông Phùng Sinh Ch. Năm 1994, ông Đặng Văn Th2 chia đất cho hai con trai là ông Đặng Văn Th1 (vợ là bà Vi Thị Y) và ông Đặng Văn T2 (vợ là bà Hà Thị H) mỗi người một phần để quản lý, sử dụng, có ranh giới cụ thể, phần đất của vợ chồng ông Đặng Văn T2 nằm phía bên trái giáp đồi Lộ Đán; phần đất ông Đặng Văn Th1 nằm phía bên phải, cắt theo đường phân thủy từ đỉnh đồi xuống đến khu mộ của gia đình ông Triệu Slin P, diện tích đất của bà Vi Thị Y quản lý bà đã trồng thông, bạch đàn từ khi được bố chồng chia cho năm 1994 và đã thu hoạch nhựa thông từ nhiều năm nay. Tháng 8/2020 do bà Hà Thị H cho người vào khai thác gỗ thông mới xảy ra tranh chấp.

Ngày 17/9/2020 bà Hà Thị H có đơn đề nghị tách thửa đất 803, tờ bản đồ số 03, diện tích 63.610m² thành 03 thửa là: Thửa 806, diện tích 22.932m²; thửa 807, diện tích 6.036m²; thửa 808, diện tích 34.642m²; đồng thời làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Triệu Hồng Na thửa đất 807, diện tích 6.036m². Ngày 01/12/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp GCNQSDĐ, số CX 601142 vào sổ cấp GCN CS 01615 cho bà Triệu Thị Na thửa 807, diện tích 6.036m² và cấp GCNQSDĐ, số CX 601143, sổ vào sổ cấp GCN CS 01616 cho hộ bà Hà Thị H thửa đất 806, diện tích 22.932m²; GCNQSDĐ số CX 601144, sổ vào sổ cấp GCN 01617 cho hộ bà Hà Thị H thửa 808, diện tích 34.642m². Đối với thửa 803 sau khi cấp đổi thành 03 thửa, GCNQSDĐ của thửa 803 không còn giá trị về mặt pháp lý.

Các con của ông Đặng Văn Th2 là bà Đặng Thị X, bà Đặng Thị S, bà Mã Thị N3, bà Vũ Thị S1 (con dâu của ông Đặng Văn Th2), đều khai nhận đất tranh chấp là của ông Đặng Văn Th2 được ông Phùng Sinh Ch nhượng lại cho năm 1993 và năm 1994 ông Đặng Văn Th2 đã chia cho 02 người con là Đặng Văn T2 và Đặng Văn Th1 mỗi người một nửa. Phần diện tích đất của vợ chồng bà Vi Thị Y ở phía bên phải, phần đất của vợ chồng bà Hà Thị H ở phía bên trái, phần ranh giới được xác định theo đường phân thủy là khe nước đúng như bà Vi Thị Y trình bày. Bà Hà Thị H từ trước đến nay chưa bao giờ quản lý đất tranh chấp, đến năm 2019 đi chặt cây của bà Vi Thị Y mới xảy ra tranh chấp nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Vi Thị Y được quyền quản lý, sử dụng.

Những người làm chứng: Ông Hoàng Văn Phiên; ông Lộc Văn L2, ông Lộc Văn C, bà Hoàng Thị Đ1; bà Vi Thị N2; ông Lộc Văn P1; bà Hoàng Thị Có; ông Hoàng Văn B; bà Nông Thị D1; bà Hứa Thị D1 đều khai nguồn gốc đất tranh chấp

là của ông Phùng Sinh Ch nhượng cho ông Đặng Văn Th2 quản lý, sử dụng và đất tranh chấp là của bà Vi Thị Y được ông Đặng Văn Th2 chia cho quản lý, sử dụng.

Nguyên đơn bà Vi Thị Y cho rằng đất tranh chấp là của cụ Phùng Sính Ch đã được UBND huyện Lộc B giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng từ năm 1993 khoảnh I, lô 40, diện tích 3,5ha. Sau đó, cũng trong năm này, cụ Ch nhượng lại cho bố chồng bà Y là cụ Đặng Văn Th2. Hai bên có lập Giấy nhượng đất viết tay có xác nhận của ông Lộc Văn H3, ông Phùng Văn Ch1, bà Hứa Thị D1 (con trai, con dâu cụ Ch). Năm 1994, cụ Th2 đã chia cho hai con trai là ông Đặng Văn Th1 (chồng bà Y) và ông Đặng Văn T2 (chồng bà H) mỗi người một nửa phần đất nhận nhượng lại của ông Ch nêu trên để quản lý, sử dụng. Từ khi được chia đất vợ chồng bà Y vẫn quản lý, sử dụng ổn định, thường xuyên, liên tục, trồng cây thông trên phần đất được chia.

Xét thấy, lời trình bày về nguồn gốc đất tranh chấp, việc chia đất và quá trình quản lý, sử dụng đất của bà Vi Thị Y phù hợp với lời khai khách quan của những người làm chứng (những người này đều không có mâu thuẫn với nguyên đơn, bị đơn) là bà Đặng Thị X, bà Đặng Thị Hoa, bà Đặng Thị Xen (các con gái cụ Đặng Văn Th2); bà Mã Thị N3 (vợ ông Đặng Văn B2, con trai cụ Th2); bà Vũ Thị S1 (vợ ông Đặng Đức H4, con trai cụ Th2); ông Hoàng Văn Ph (anh em bà H); ông Lộc Văn C, ông Lộc Văn L2, bà Hoàng Thị Đ1 (anh em họ bà H); bà Vi Thị N2, ông Lộc Văn P, bà Hoàng Thị C1, ông Hoàng Văn B, bà Nông Thị D1, bà Hứa Thị D1 và ông Vi Văn L (là người có mộ trên diện tích đất tranh chấp) đều khẳng định nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Th2 chia cho vợ chồng bà Y quản lý, sử dụng, thường xuyên ổn định; không thấy bà H quản lý, sử dụng đất tranh chấp. Phù hợp với chính nội dung “Đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” thửa 803, tờ bản đồ ngày 12/11/2019 mà bà H khai nguồn gốc sử dụng đất là “*đất ông cha để lại*”.

Bà Hà Thị H cho rằng phần diện tích đất tranh chấp do chồng bà là ông Đặng Văn T2 nhận chuyển nhượng của cụ Ch ngày 20/5/1994 có lập “Giấy chuyển nhượng đất rừng” viết tay, tuy nhiên, văn bản này không có người làm chứng, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Nội dung Giấy chuyển nhượng là chuyển nhượng diện tích đất 3.000m², trong khi năm 1994, đất mà cụ Ch được giao quyền quản lý rừng và đất rừng thuộc khoảnh I, lô 40, diện tích 3.5ha và con trai cụ Ch là ông Phùng Văn B được giao đất vườn rừng cũng không phải diện tích này. Như vậy, có sự không phù hợp, mâu thuẫn với diện tích đất rừng mà bà H cung cấp (khoảnh I, lô 33) và đất hiện các đương sự đang tranh chấp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người liên quan là bà Nông Thị L1 (vợ ông Phùng Văn B, con dâu cụ Ch) khẳng định gia đình bà hiện vẫn đang quản lý, sử dụng một phần diện tích đất theo Sổ giao nhận đất vườn rừng năm 1988 do Hạt kiểm lâm huyện Lộc B giao, chưa kê khai cấp GCNQSDĐ. Hơn nữa, trình bày của bà H mâu thuẫn với nội dung “Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

thửa 803, tờ bản đồ ngày 12/11/2019 của bà H, tại đơn này, bà H khẳng định nguồn gốc sử dụng là “*đất ông cha để lại*”, sử dụng từ trước năm 1993. Bà H không có người làm chứng khách quan để chứng minh cho lời khai của mình về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp. Như vậy, có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp 14.017m² thuộc một phần thửa 806, tờ bản đồ số 03, vợ chồng bà Y được bố mẹ chồng là cụ Th2, cụ Lý chia quản lý, sử dụng ổn định, thường xuyên, liên tục, trồng cây trên đất từ năm 1994 đến nay.

Bà Hà Thị H không chứng minh được quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp. Việc bà H dựng, chôn các cọc bê tông trên đất là gây cản trở việc quản lý, sử dụng đất của bà Vi Thị Y. Yêu cầu khởi kiện của bà Y được quản lý, sử dụng diện tích 14.017m² đất thuộc một phần thửa đất 806, tờ bản đồ số 03 và sở hữu toàn bộ cây trên đất, buộc bà H tháo dỡ di dời các cọc bê tông trên đất tranh chấp; sở hữu số tiền bán cây khai thác trên đất 9.950.000 đồng hiện UBND xã Hữu Kh2 đang quản lý là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vi Thị Y; giao cho bà Vi Thị Y được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất thửa 806 (được thể hiện trên mảnh trích đo địa chính là thửa 806.1 vị trí các đỉnh thửa A1, A2, A3, A4, M7, M8, M5, M4, A6, A21, A20, A13, A14, A15, A14, A17), tờ bản đồ số 03, diện tích 12.571m².

- Xét yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 601143 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 01/12/2020 cho hộ bà Hà Thị H thửa đất số 806, tờ bản đồ số 03 phần diện tích đất tranh chấp, thấy: Như trên đã phân tích, diện tích 14.017m² đất tranh chấp thuộc một phần thửa 806, tờ bản đồ số 03 được xác định có nguồn gốc là do bố mẹ chồng của bà Y và bà H là cụ Th2 để lại cho vợ chồng bà Y, ông Th1 quản lý, sử dụng ổn định, thường xuyên. Bà H không có quá trình quản lý, sử dụng phần diện tích này. Năm 2008, ông T2 đi kê khai. Năm 2019, bà H đi kê khai cấp GCNQSDĐ thửa 803, tờ bản đồ số 03 đã kê khai cả phần diện tích đất của bà Y, ông Th1 đang quản lý, sử dụng. Nội dung “Đơn xin đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” thửa 803, tờ bản đồ số 03 đề ngày 12/11/2019, bà H khai nguồn gốc sử dụng đất là “*đất ông cha để lại*”, nội dung này phù hợp với lời khai của nguyên đơn và những người liên quan. Như vậy, có căn cứ xác định việc cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Hà Thị H đối với thửa 803 là không đúng đối tượng sử dụng đất. Năm 2020, hộ bà H làm thủ tục xin tách thửa đất 803 thành 03 thửa đất. Sau khi tách thửa thì phần diện tích hiện đang tranh chấp 14.017m² thuộc một phần thửa đất số 806, tờ bản đồ số 03 đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ bà H. Như vậy, việc cấp GCNQSDĐ thửa 806, tờ bản đồ số 03 cho hộ bà H đối với phần diện tích đất tranh chấp là không đúng đối tượng sử dụng đất. Hơn nữa, việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ số CX 601143, số vào sổ cấp GCN CS-01616 ngày 01/12/2020 cho hộ bà Hà Thị H thửa đất số 806, tờ bản đồ số 03 trong khi đất đang có tranh chấp, thể hiện ở việc UBND xã Hữu Kh2 đã tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà Y

và bà H ngày 23/7/2020 là không đúng quy định của pháp luật. Tại cấp sơ thẩm, đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cũng xác nhận Sở không nắm được đất có tranh chấp khi thực hiện việc cấp GCNQSDĐ đối với thửa số 806, tờ bản đồ số 03 (tách thửa). Do đó, yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ số CX 601143 nêu trên đối với phần diện tích đất tranh chấp 14.017m² của bà Vi Thị Y là có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của bà Vi Thị Y là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vi Thị Y được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 12.789m², thuộc một phần thửa 806.1, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Hữu Kh2, được thể hiện trên mảnh trích đo sơ họa thửa đất do Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô, chi nhánh Lạng Sơn đo đạc ngày 15/4/2021, có vị trí đỉnh thửa là A1, A2, A3, A4, M7, M6, M5, A5, M4, A6, A21, A7, A18, A22, A12, A20, A13, A14, A15, A16, A17; địa danh: Đồi Khau Lẹp, thôn Bản Hoi, xã Hữu Kh2, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn và quyền sở hữu toàn bộ tài sản cây trồng trên đất tranh chấp; Buộc bà Hà Thị H phải tự tháo dỡ, di dời các cọc bê tông trên diện tích 358m², vị trí đỉnh thửa N1, N2, N3, N4, thuộc một phần thửa 806.1 đi nơi khác để trả lại diện tích đất tranh chấp cho bà Vi Thị Y quản lý, sử dụng; Bà Vi Thị Y được quyền sở hữu số tiền 9.950.000 đồng, tiền bán 03 xe gỗ do UBND xã Hữu Kh2, huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn đang tạm giữ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bà Hà Thị H kháng cáo là không có căn cứ chấp nhận.

Việc bà Hà Thị H yêu cầu bà Vi Thị Y cung cấp giấy chuyển nhượng rừng viết tay ngày 25/11/1993 (bản gốc) để giám định chữ của ông Phùng Sinh Ch là không cần thiết.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Hà Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị H; Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí: Bà Hà Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0000296 ngày 04/8/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận bà H đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học